

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/9/2020.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Lê Thị Ánh Sáng

+ Bà Trần Thị Hồng Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 78, ấp Bình X 2, xã Xuân P, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn N, sinh năm 1993.

HKTT: Số 70, tổ 6, ấp Bàu T, xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020, bản tự khai ngày 10/8/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân P, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N, cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại tổ 6, ấp Bàu T, xã Bình A, huyện Long T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2020 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gỗ, cãi vã nhau, những lần cãi vã anh N có đánh chị nhiều lần, chị có trình báo đến công an xã Bình A, huyện Long T yêu cầu giải quyết, có 01 lần anh N đánh chị tại khu Văn H, thị trấn Long T, chị có trình báo đến công an thị trấn Long T, huyện Long T. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017. Hiện anh N đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn anh Võ Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng kết hôn tại UBND xã Xuân P, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N, cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 6, ấp Bàu T, xã Bình A, huyện Long T cùng chung với gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chị N không quan tâm lo lắng gì cho anh mỗi khi anh bị bệnh, vợ chồng có gây gỗ nhau nhưng không trầm trọng, có 01 lần gây gỗ, cãi vã, chị N có lời lẽ xúc phạm đến cha, mẹ anh nên anh có đánh chị Ngăn 01 tát tay. Việc chị N khai anh có đánh chị nhiều lần và 01 lần tại khu Kim S, thị trấn Long T là hoàn toàn không có. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, có ba, mẹ anh đến gặp ba mẹ chị N để cùng hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017. Hiện anh đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh N trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 cháu Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017.

Chị N, anh N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu N còn nhỏ (40 tháng tuổi) là cháu gái, người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Đề nghị giao cháu Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến cho anh N nhưng anh N vắng mặt đến lần thứ hai; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N cư trú tại xã Xuân P, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N. Anh Võ Văn N cư trú tại xã Bình A, huyện Long T, tỉnh Đồng N, chị N có đơn tranh chấp ly hôn với anh N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Võ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân P, huyện Xuân L, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2016 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị N và anh N có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cũng không quan tâm gì đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị N yêu cầu ly hôn anh N, anh N không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh N đã được cha, mẹ hai bên hòa giải để đoàn tụ nhưng chị N, anh N không tiếp tục chung sống được với nhau. Do đó, điều kiện để chị N và anh N đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét

yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017.

Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn đều có điều kiện về kinh tế, có công việc và thu nhập ổn định, cháu Võ Nguyễn Ngọc N là cháu gái. Đến ngày xét xử cháu N còn nhỏ (40 tháng tuổi) nên người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn.

Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao cháu Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

*Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Võ Văn N về việc “Tranh chấp ly hôn”

Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Võ Văn N.

*Về con chung:* Giao cháu Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/5/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh N vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh N được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001595 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Chị N, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Cảnh**